TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **27**/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 22/8/2018
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Thu Trang
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Võ Việt Hùng
2. Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích Dung - Kiểm sát viên.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:** Ông Đắc Quốc Tuân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 159/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về việc: *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2018/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn*:** ông Nguyễn Th, sinh năm 1984
Địa chỉ: khu phố S, thị trấn L, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

**** Bị đơn*:** bà Trần Thị M, sinh năm 1984
Địa chỉ: khu phố M, thị trấn L, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Th trình bày:** Về quan hệ hôn nhân, ông và bà Trần Thị M tự nguyện sống chung với nhau năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2005; quyển số 02/2005 ngày 28/9/2005. Sau khi xác lập quan hệ vợ chồng thì vợ chồng ông sống tại nhà cha mẹ ruột bà M, khi bà M sanh cháu Nguyễn Thị Kim Th thì vợ chồng ông Th nhà trọ ở; đến khi cháu Th được 02 tuổi thì bà M bỏ nhà đi từ đó cho đến nay, lý do gì bà M bỏ đi thì ông không rõ, sau đó hai cha con ông về lại cha mẹ ruột tại khu phố S, thị trấn L, huyện P sinh sống cho đến nay.

Từ khi bà M bỏ đi thì không một lần về thăm con, ông đã cố gắng liên lạc nhiều lần để vợ chồng làm thủ tục giải quyết việc ly hôn nhưng bà M không chịu về, hiện nay bà M đã lập gia đình với người đàn ông khác.

Nay ông xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị M.

Về con chung: ông và bà M có 01 con chung là Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 15/3/2006, hiện nay cháu Th đang ở với ông nên ông xin được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con cho đến khi trưởng thành và ông không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: ông Nguyễn Th khai, trong thời kỳ hôn nhận thì vợ chồng không có tạo lập tài sản chung và cũng không có thiếu nợ ai.

*** Đối với bị đơn bà Trần Thị M**:

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi có hộ khẩu thường trú của bà Trần Thị M tại khu phố M, thị trấn L, huyện P, tỉnh Bình Thuận theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng vẫn không liên lạc được với bà M, tại phiên tòa hôm nay bà M tiếp tục vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của ông Nguyễn Th đối với bà Trần Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh trụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị M, sinh năm 1984 có hộ khẩu thường trú tại khu phố M, thị trấn L, huyện P, tỉnh Bình Thuận và yêu cầu

khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn Trần Thị Mênh nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà M vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Th, HĐXX nhận thấy: quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Th và bà Trần Thị M được xác lập trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2005; quyển số 02/2005 ngày 28/9/2005 nên là hôn nhân hợp pháp, ông Th có đơn xin ly hôn nên áp dụng luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, lời trình bày của ông Th cho thấy đời sống chung của ông Th, bà M không hạnh phúc do bà Trần Thị M bỏ nhà đi khi cháu Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 15/3/2006 được 02 tuổi cho đến hôm nay dù ông Th nhiều lần gọi về nhưng không có kết quả chứng tỏ bà M đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, vi phạm về nghĩa vụ sống chung của vợ chồng theo điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa hai đương sự đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: ông Th và bà M có 01 con chung là Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 15/3/2006 đang ở với ông, ông yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy cháu Th ở với ông Th từ khi mẹ bỏ đi khi cháu 2 tuổi cho đến nay, ông Th đã nuôi dưỡng và giáo dục cháu đảm bảo các điều kiện phát triển, hơn nữa nguyện vọng của cháu được tiếp tục sống cùng cha nên giao cháu Th cho ông Th tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con cho đến khi trưởng thành là phù hợp; ông Th không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: ông Nguyễn Th khai, trong thời kỳ hôn nhận thì vợ chồng không có tạo lập tài sản chung và cũng không có thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét .

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định về việc giải quyết ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

- Về hôn nhân: ông Nguyễn Th được ly hôn bà Trần Thị M.

- Về con chung: Giao Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 15/3/2006 cho ông Nguyễn Th tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành;

Ông Th không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Ông Th không được ngăn cản bà M việc chăm sóc và giáo dục con chung

- Về tài sản và nợ chung: không có.

- Về án phí: Ông Nguyễn Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Th đã nộp tại biên lai thu số 0019111 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, ông Nguyễn Th đã nộp đủ án phí

Quyền kháng cáo của ông Nguyễn Th là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/8/2018), bà Trần Thị M là 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự*;
- *VKSND (Tỉnh - Huyện);*
- *TAND tỉnh Bình Thuận;*
- *Chi cục THADS huyện Tuy Phong;*
- *UBND TT.Liên Hương;*
- *Lưu.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Thu Trang